

Số liệu chung về đại học năm học 2015-2016 và 2016-2017

	2015 - 2016	2016 - 2017	Tốc độ tăng, giảm (%)
1 Tổng số trường	223	235	5.38
Công lập	163	170	4.29
Ngoài công lập	60	65	8.33
2 Tuyển mới	470,044	418,991	-10.86
Công lập	391,722	354,193	-9.58
Ngoài công lập	78,322	64,798	-17.27
Chia theo hệ đào tạo			
Chính quy	391,542	337,975	-13.68
Vừa làm vừa học	78,502	65,944	-16.00
3 Quy mô học sinh	1,753,174	1,767,879	0.84
Công lập	1,520,807	1,523,904	0.20
Ngoài công lập	232,367	243,975	5.00
Chia theo hệ đào tạo			
Chính quy	1,370,619	1,402,683	2.34
Vừa làm vừa học	295,261	283,589	-3.95
Đào tạo từ xa	87,294	81,607	-6.51
4 Tốt nghiệp	352,789	305,601	-13.38
Công lập	307,760	268,369	-12.80
Ngoài công lập	45,029	37,232	-17.32
Chia theo hệ đào tạo			
Chính quy	259,914	242,648	-6.64
Vừa làm vừa học	92,875	73,664	-20.68
5 Giảng viên	69,591	72,792	4.60
Công lập	55,401	57,634	4.03
Ngoài công lập	14,190	15,158	6.82
Trong tổng số: - Nữ	32,690	35,064	7.26
- Dân tộc	1,063	716	-32.64
- Giáo sư	550	574	4.36
- Phó giáo sư	3,317	4,113	24.00
Chia theo trình độ đào tạo			
Tiến sỹ	13,598	16,514	21.44
Thạc sỹ	40,426	43,127	6.68
Chuyên khoa I+II	620	523	-15.65
Đại học và cao đẳng	14,897	12,519	-15.96
Trình độ khác	50	109	118.00

Ghi chú: Trong tổng số trường đại học, học viện không tính trường thuộc khối An ninh, Quốc phòng